

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà.

Ông Nguyễn Phi Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình T; cư trú tại: Đường A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị L; cư trú tại: Melbourne, Australia (Úc).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hồ Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn theo pháp luật Việt Nam; được Ủy ban nhân dân xã Quảng Ngạn, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18-7-2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã và có lúc đã xô xát lẫn nhau. Đến tháng 02/2017, thì bà L qua Úc và ở lại sống, làm việc luôn bên đó. Trong thời gian sống xa cách thì ông và bà L cũng xác định là không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa nên nguyện vọng của ông là được ly hôn với bà L.

- Về con chung: Ông và bà Hồ Thị L có 02 con chung tên Nguyễn Thái Kim P; sinh ngày 23-6-2001 và Nguyễn Đình L; sinh ngày 12-7-2005. Ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông và bà Hồ Thị L không có nợ chung.

Bị đơn bà Hồ Thị L, trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, thì bà Hồ Thị L gửi về cho Tòa án các văn bản ghi ngày 06-5-2019 (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), có nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đình T có thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau trước khi tiến tới hôn nhân; ông bà đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18-7-2002, tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Ngạn, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng; chung sống hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã, có lúc xảy ra xô xát. Đến tháng 02/2017, thì bà qua Úc ở lại sống, làm việc luôn bên đó và không có điều kiện để thu xếp về Việt Nam thăm con và gia đình. Trong thời gian sống xa cách quá lâu thì tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần và bà xác định không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân mà cả hai không còn yêu thương nhau nữa; vì vậy, bà có nguyện vọng được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Đình T có 02 con chung tên Nguyễn Thái Kim P; sinh ngày 23-6-2001 và Nguyễn Đình L; sinh ngày 12-7-2005. Ly hôn, bà có nguyện vọng giao 02 con cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng cho con nếu ông T có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông Nguyễn Đình T không có nợ chung.

- Do công việc và cách trở về địa lý nên bà không thể về để đến Tòa giải quyết theo yêu cầu của Tòa án được, vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà tại các phiên họp hòa giải và phiên tòa để giải quyết cho bà và ông T được ly hôn; đồng thời xét xử sớm so với thời gian ấn định trong Thông báo thụ lý vụ án.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Đình T là công dân Việt Nam; có địa chỉ cư trú tại đường A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn bà Hồ Thị L; quốc tịch: Việt Nam; cư trú tại địa chỉ: 0Melbourne, Australia (Úc), nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Hồ Thị L, theo phương thức được quy định tại điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, bà L đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ. Theo đó, bà L đề nghị Tòa án không mở phiên họp hòa giải do không thể về Việt Nam để tham dự; đồng thời đề nghị Tòa án mở phiên tòa sớm hơn theo thời gian đã ấn định trong thông báo về việc thụ lý vụ án và xét xử vụ án vắng mặt đối với bà, do đó Tòa án không mở

phiên họp hòa giải và mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà L, theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn bà Hồ Thị L của ông Nguyễn Đình T thì thấy, mâu thuẫn giữa ông bà bắt nguồn từ việc bất đồng về quan điểm sống, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau và dẫn đến xô xát; từ tháng 02/2017, bà L đã đi qua Úc sinh sống và làm việc nên ông bà mỗi người sống một nơi, vợ chồng không sống gần nhau để yêu thương, chăm sóc cho nhau và cho gia đình, nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay, ông bà đều tự xác định không còn tình cảm vợ chồng đối với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn bà L của ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Đình T và bà Hồ Thị L có 02 con tên Nguyễn Thái Kim P; sinh ngày 23-6-2001 và Nguyễn Đình L; sinh ngày 12-7-2005. Xét đối với con tên Nguyễn Thái Kim P đến ngày xét xử sơ thẩm đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét để giao cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con tên Nguyễn Đình L; sinh ngày 12-7-2005 cần giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; bà L không phải cấp dưỡng cho con, là phù hợp với nguyện vọng của cả ông T, bà L và cháu L.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: Do không có yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ông Nguyễn Đình T phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài ông Nguyễn Đình T phải chịu, theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147,

Điều 153, Điều 464, Điều 469, khoản 1 và khoản 3 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của ông Nguyễn Đình T đối với bà Hồ Thị L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Đình T được ly hôn với bà Hồ Thị L.

2. Về con:

Giao con tên Nguyễn Đình L; sinh ngày 12 tháng 7 năm 2005 cho ông Nguyễn Đình T trực tiếp nuôi.

Bà Hồ Thị L không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Đình T và bà Hồ Thị L có các quyền và nghĩa vụ đối với con theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí và chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự:

Ông Nguyễn Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 001659 ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đình T phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp về tổng đạt văn bản tố tụng là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng theo biên lai số 001670 ngày 11 tháng 3 năm 2019, của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông T đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp về tổng đạt văn bản tố tụng.

Ông Nguyễn Đình T phải chịu chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ ủy thác tư pháp là 410.000 đồng (Bốn trăm mười ngàn đồng), ông T đã nộp tiền tạm ứng và đã chi thanh toán xong.

Tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), là tiền tạm ứng chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp về tổng đạt do ông Nguyễn Đình T đã nộp theo biên lai số 001669 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng cho đến khi có văn bản khác của Tòa án xử lý số tiền này.

4. Ông Nguyễn Đình T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Hồ Thị L không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân xã Quảng Ngạn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Hà Nam